

Số: 06/2022/QĐST-HNGĐ

Thanh Ba, ngày 18 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu 9, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu 9, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; Điểm a Khoản 5, Điểm b Khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Quang Đ

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Quang Đ thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị T và anh Đ thoả thuận: chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/7/2006 và cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 29/9/2013 kể từ ngày 11/01/2022. Anh Đ có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị T, mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng chẵn)/01 cháu (02 cháu là 2.000.000đ (hai triệu đồng chẵn), thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 01/2022 cho đến từng các cháu thành niên, lao động tự túc được (đủ 18 tuổi).

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, ruộng đất nông nghiệp: Chị T và anh Đ đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng T tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và nộp thay anh Đ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003284 ngày 04/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thanh Loan